NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

NGUYỄN THU HUYỀN
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 10/11/2025. Sửa chữa xong 25/12/2025. Duyệt đăng 29/12/2025.

Abstract

In the context of rapid digital transformation across all sectors of socio-economic life, higher education in general and Business Administration training in particular are facing both opportunities and challenges. This article analyzes the current quality of training for Business Administration students at Hai Duong University and proposes solutions to enhance training effectiveness in the digital transformation era. The study applies document analysis and synthesis methods combined with an evaluation of actual training practices at the university. The findings indicate that curriculum innovation, updated teaching methods, digital technology integration, and stronger collaboration with businesses are essential factors that contribute to improving training quality and meeting the demands of today's labor market.

Keywords: *Business Administration, digital transformation, Hai Duong University, solutions, students, training.*

1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với trọng tâm là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và Internet vạn vật đã và đang làm thay đổi sâu sắc mô hình tăng trưởng kinh tế, phương thức quản trị doanh nghiệp cũng như yêu cầu đối với nguồn nhân lực. Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy mà còn là quá trình đổi mới toàn diện từ tư duy quản lý, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy đến cách thức đánh giá người học. Ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) là một trong những ngành chịu tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất của chuyển đổi số. Sự phát triển của kinh tế số, thương mại điện tử, marketing số, quản trị dựa trên dữ liệu đã làm thay đổi căn bản cách thức vận hành và ra quyết định trong doanh nghiệp. Do đó, yêu cầu đối với nguồn nhân lực ngành QTKD ngày càng cao, đòi hỏi người học không chỉ nắm vững kiến thức nền tảng về quản trị mà còn phải có năng lực số, kỹ năng sử dụng công nghệ, tư duy phân tích và khả năng thích ứng nhanh với môi trường kinh doanh biến động. Trường Đại học Hải Dương là cơ sở đào tạo đa ngành, có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực cho tỉnh Hải Dương và các địa phương lân cận. Trong những năm qua, nhà trường đã có nhiều nỗ lực đổi mới hoạt động đào tạo, từng bước tiếp cận xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của xã hội và doanh nghiệp, chất lượng đào tạo sinh viên (SV) ngành QTKD vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện, đặc biệt là mức độ cập nhật kiến thức gắn với thực tiễn kinh tế số, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực số của SV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng chất lượng đào tạo sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Hải Dương trong bối cảnh chuyển đổi số

2.1.1. Những kết quả đạt được trong đào tạo sinh viên ngành Quản trị kinh doanh

Chương trình đào tạo ngành QTKD từng bước được hoàn thiện theo hướng tiếp cận chuyển đổi

Email: nguyenthuhuyendhdh@gmail.com

số, góp phần nâng cao tính cập nhật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Thông qua việc rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy đã được bổ sung các kiến thức liên quan đến kinh tế số, thương mại điện tử, marketing số và quản trị hiện đại. Điều này giúp SV không chỉ nắm vững kiến thức nền tảng về quản trị mà còn từng bước tiếp cận với những xu hướng mới của môi trường kinh doanh. Kết quả này thể hiện rõ ở việc SV có khả năng liên hệ tốt hơn giữa lý thuyết và thực tiễn, hiểu rõ hơn về bối cảnh vận hành của doanh nghiệp trong nền kinh tế số, từ đó nâng cao chất lượng học tập và khả năng vận dụng kiến thức sau khi tốt nghiệp [1, tr. 1448-1456].

Phương pháp giảng dạy trong đào tạo ngành QTKD đã có sự chuyển biến theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm và tăng cường ứng dụng công nghệ số. Việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như học theo dự án, học theo tình huống và thảo luận nhóm trên nền tảng số đã góp phần nâng cao mức độ tham gia và chủ động của SV trong quá trình học tập. SV không còn thụ động tiếp nhận kiến thức mà được khuyến khích tự tìm hiểu, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Kết quả đạt được là năng lực tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng trình bày của SV được cải thiện rõ rệt, đồng thời tạo môi trường học tập năng động, phù hợp với đặc thù của ngành QTKD.

Việc đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá đã góp phần phản ánh đúng hơn năng lực thực tế của SV. Thay vì chỉ đánh giá thông qua các bài thi viết truyền thống, nhà trường đã từng bước triển khai các hình thức đánh giá đa dạng như đánh giá quá trình, đánh giá thông qua dự án, bài tập nhóm và sản phẩm học tập trên nền tảng số. Kết quả cho thấy SV có ý thức học tập thường xuyên hơn, chú trọng phát triển kỹ năng thực hành và kỹ năng nghề nghiệp. Đồng thời, hình thức đánh giá mới cũng giúp giảng viên (GV) có cái nhìn toàn diện hơn về năng lực của người học, từ đó điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo một cách bền vững.

Năng lực số của đội ngũ GV và SV từng bước được nâng cao, tạo nền tảng quan trọng cho quá trình chuyển đổi số trong đào tạo. Thông qua các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và tự học, GV đã nâng cao khả năng sử dụng công nghệ trong giảng dạy, thiết kế học liệu số và tổ chức lớp học trực tuyến. Điều này giúp nâng cao hiệu quả truyền đạt kiến thức và tăng cường sự tương tác giữa GV và SV. Đối với SV, việc thường xuyên sử dụng các công cụ số trong học tập và làm bài tập đã giúp hình thành kỹ năng làm việc trong môi trường số, nâng cao khả năng thích ứng với yêu cầu của doanh nghiệp trong thời đại chuyển đổi số [4, tr. 29].

Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ phục vụ đào tạo từng bước được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Việc đầu tư hệ thống quản lý học tập, phần mềm hỗ trợ giảng dạy và học tập trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các phương pháp đào tạo hiện đại. SV có thể tiếp cận học liệu ở mọi lúc, mọi nơi, trong khi GV có thêm công cụ để tổ chức giảng dạy linh hoạt và hiệu quả hơn. Kết quả này không chỉ nâng cao hiệu quả đào tạo mà còn góp phần thay đổi thói quen học tập của SV theo hướng chủ động và tự học, phù hợp với yêu cầu của giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số.

Mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo ngành QTKD đã được tăng cường, góp phần nâng cao tính thực tiễn của chương trình đào tạo. Thông qua việc hợp tác với doanh nghiệp trong tổ chức thực tập, kiến tập và trao đổi chuyên môn, SV có cơ hội tiếp cận môi trường làm việc thực tế, hiểu rõ hơn về yêu cầu nghề nghiệp và xu hướng phát triển của doanh nghiệp trong nền kinh tế số. Kết quả đạt được là SV có định hướng nghề nghiệp rõ ràng hơn, nâng cao khả năng thích ứng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp, đồng thời tăng tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo [2, tr. 18].

Nhận thức của cán bộ quản lý, GV và SV về vai trò của chuyển đổi số trong nâng cao chất lượng đào tạo đã được nâng cao rõ rệt. Chuyển đổi số không còn được xem là nhiệm vụ mang tính phong trào mà từng bước trở thành yêu cầu thường xuyên trong hoạt động đào tạo và quản lý. Sự thay đổi về nhận thức này tạo tiền đề quan trọng cho việc triển khai các giải pháp đổi mới một cách đồng bộ và hiệu quả, góp phần xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

2.1.2. Những tồn tại, hạn chế trong đào tạo sinh viên ngành Quản trị kinh doanh

Chương trình đào tạo ngành QTKD mặc dù đã có những điều chỉnh nhất định theo hướng tiếp cận chuyển đổi số, song nhìn chung vẫn còn chậm so với yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế số. Một số học phần vẫn nặng về lý thuyết, nội dung chưa được cập nhật kịp thời theo sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh hiện đại. Các kiến thức liên quan đến quản trị dựa trên dữ liệu, kinh doanh trên nền tảng số hay ứng dụng công nghệ trong quản lý doanh nghiệp mới chỉ được đề cập ở mức độ giới thiệu, chưa đi sâu vào thực hành. Điều này khiến SV gặp khó khăn trong việc vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Tính liên thông và linh hoạt của chương trình đào tạo còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học. Số lượng học phần tự chọn và học phần liên ngành còn ít, chưa tạo điều kiện để SV phát triển theo các định hướng nghề nghiệp khác nhau trong bối cảnh chuyển đổi số. Việc xây dựng lộ trình học tập cá nhân hóa cho SV còn gặp nhiều khó khăn do chương trình đào tạo chưa được thiết kế theo hướng mở. Hạn chế này làm giảm khả năng phát huy năng lực cá nhân của SV, đồng thời chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế số [3, tr. 47-56].

Phương pháp giảng dạy trong đào tạo ngành QTKD vẫn còn tồn tại sự không đồng đều giữa các học phần và GV. Mặc dù một số GV đã tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ số, song vẫn còn không ít học phần được giảng dạy theo phương pháp truyền thống, chủ yếu dựa vào thuyết giảng và ghi chép. Việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như học theo dự án, học theo tình huống hay mô phỏng kinh doanh chưa được triển khai rộng rãi và thường xuyên. Điều này làm giảm tính hấp dẫn của bài giảng và hạn chế khả năng phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành của SV.

Mức độ ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và học tập chưa thực sự đồng bộ và hiệu quả. Mặc dù nhà trường đã triển khai một số nền tảng học tập trực tuyến và hệ thống quản lý học tập, song việc khai thác các công cụ này còn mang tính hình thức ở một số học phần. GV và SV chủ yếu sử dụng các nền tảng số để chia sẻ tài liệu hoặc nộp bài tập, trong khi các chức năng nâng cao như tổ chức thảo luận trực tuyến, mô phỏng kinh doanh hay phân tích dữ liệu chưa được sử dụng hiệu quả. Điều này dẫn đến việc chuyển đổi số trong đào tạo chưa phát huy hết tiềm năng vốn có.

Phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV mặc dù đã có những đổi mới, song vẫn còn nặng về đánh giá kiến thức lý thuyết. Các hình thức đánh giá năng lực thực hành, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng số chưa được áp dụng một cách hệ thống và nhất quán. Trong một số học phần, việc đánh giá quá trình còn mang tính hình thức, chưa phản ánh đầy đủ mức độ tham gia và tiến bộ của SV. Hạn chế này ảnh hưởng đến động cơ học tập của SV và chưa tạo được áp lực tích cực để SV chủ động rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho môi trường làm việc trong nền kinh tế số.

Năng lực số của đội ngũ GV còn chưa đồng đều, gây khó khăn cho quá trình triển khai chuyển đổi số trong đào tạo. Một bộ phận GV, đặc biệt là những GV lớn tuổi còn hạn chế trong sử dụng các công cụ công nghệ và thiết kế học liệu số. Việc tự bồi dưỡng và cập nhật kiến thức công nghệ của GV chưa được thực hiện thường xuyên, trong khi các chương trình tập huấn về chuyển đổi số chưa thật sự đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Điều này dẫn đến sự chênh lệch trong chất lượng giảng dạy giữa các học phần và ảnh hưởng đến hiệu quả chung của quá trình đào tạo.

Năng lực số và kỹ năng thực hành của SV ngành QTKD vẫn còn những hạn chế nhất định. Một bộ phận SV chưa có thói quen tự học và khai thác hiệu quả các nguồn học liệu số, còn phụ thuộc nhiều vào sự hướng dẫn của GV. Kỹ năng sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu, phần mềm quản trị hay nền tảng kinh doanh trực tuyến của SV còn ở mức cơ bản, chưa đáp ứng tốt yêu cầu của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thích ứng nghề nghiệp của SV sau khi ra trường [5, tr. 41].

Mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo ngành QTKD tuy đã được thiết lập nhưng chưa thực sự sâu rộng và bền vững. Hoạt động hợp tác chủ yếu dừng lại ở việc tổ chức cho SV

thực tập, trong khi sự tham gia của doanh nghiệp vào xây dựng chương trình đào tạo, giảng dạy và đánh giá còn hạn chế. Do đó, một số nội dung đào tạo chưa sát với yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, đặc biệt là các yêu cầu liên quan đến kỹ năng số và kinh nghiệm làm việc trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ phục vụ chuyển đổi số trong đào tạo còn một số hạn chế. Mặc dù nhà trường đã có sự đầu tư nhất định, song trang thiết bị và phần mềm phục vụ giảng dạy ngành QTKD chưa thực sự đồng bộ và hiện đại. Một số phòng học chưa được trang bị đầy đủ các thiết bị hỗ trợ giảng dạy số, trong khi nguồn học liệu số còn chưa phong phú. Điều này ảnh hưởng đến khả năng triển khai các phương pháp giảng dạy hiện đại và làm giảm hiệu quả của quá trình chuyển đổi số trong đào tạo.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Hải Dương trong bối cảnh chuyển đổi số

2.2.1. Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tích hợp chuyển đổi số

Chương trình đào tạo là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng đào tạo và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của SV. Trong bối cảnh chuyển đổi số, chương trình đào tạo ngành QTKD cần được thiết kế theo hướng linh hoạt, cập nhật và gắn chặt với yêu cầu của nền kinh tế số. Điều này đòi hỏi Trường Đại học Hải Dương phải tiến hành rà soát, điều chỉnh và bổ sung nội dung chương trình đào tạo một cách thường xuyên, bảo đảm cân đối giữa kiến thức nền tảng về quản trị truyền thống và các kiến thức, kỹ năng mới liên quan đến kinh doanh số. Cụ thể, nhà trường cần tích hợp các học phần liên quan đến kinh tế số, thương mại điện tử, marketing số, quản trị dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vào chương trình đào tạo ngành QTKD. Việc bổ sung các học phần này không chỉ giúp SV tiếp cận những kiến thức mới mà còn góp phần hình thành tư duy quản trị hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển của doanh nghiệp trong kỷ nguyên số [6, tr. 29-37]. Ví dụ, bên cạnh học phần Marketing căn bản, chương trình có thể bổ sung học phần Marketing số, trong đó SV được học và thực hành các công cụ như quảng cáo trên nền tảng mạng xã hội, phân tích hành vi khách hàng trực tuyến và xây dựng chiến lược marketing dựa trên dữ liệu. Ngoài ra, chương trình đào tạo cần được thiết kế theo hướng mở, tăng cường các học phần tự chọn và liên ngành, tạo điều kiện để SV chủ động lựa chọn định hướng nghề nghiệp phù hợp. Chẳng hạn, SV có thể lựa chọn nhóm học phần chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp số, quản trị chuỗi cung ứng thông minh hoặc khởi nghiệp trong môi trường số. Cách tiếp cận này không chỉ nâng cao tính cá nhân hóa trong đào tạo mà còn giúp SV phát huy năng lực, sở trường của bản thân, qua đó nâng cao chất lượng đầu ra của chương trình đào tạo.

2.2.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm và ứng dụng công nghệ số

Phương pháp giảng dạy có vai trò quan trọng trong việc phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của SV. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm và tăng cường ứng dụng công nghệ số là yêu cầu tất yếu đối với đào tạo ngành QTKD. Thay vì phương pháp giảng dạy truyền thống nặng về thuyết giảng, GV cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, khuyến khích SV tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động. Các phương pháp như học theo dự án, học theo tình huống, mô phỏng kinh doanh và thảo luận nhóm trên nền tảng số cần được triển khai rộng rãi trong giảng dạy. Ví dụ, trong học phần Quản trị chiến lược, GV có thể giao cho SV thực hiện dự án xây dựng chiến lược kinh doanh cho một doanh nghiệp địa phương đang chuyển đổi sang mô hình kinh doanh trực tuyến. SV sẽ tiến hành thu thập dữ liệu, phân tích thị trường, đánh giá môi trường cạnh tranh và đề xuất giải pháp chiến lược, sau đó trình bày kết quả trên các nền tảng học trực tuyến. Thông qua hoạt động này, SV không chỉ củng cố kiến thức lý thuyết mà còn rèn luyện kỹ năng phân tích, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ số. Bên cạnh đó, việc ứng dụng các nền tảng học tập trực tuyến, hệ thống quản lý học tập (LMS) và lớp học thông minh sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập. GV có thể sử dụng các công cụ số để cung cấp

học liệu, tổ chức kiểm tra, đánh giá và tương tác với SV ở mọi lúc, mọi nơi. Điều này đặc biệt phù hợp với đặc thù của ngành QTKD, khi SV cần tiếp cận nhiều tình huống thực tiễn và nguồn tài liệu đa dạng.

2.2.3. Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Kiểm tra, đánh giá là khâu quan trọng trong quá trình đào tạo, có tác động trực tiếp đến động cơ và phương pháp học tập của SV. Trong bối cảnh chuyển đổi số, phương thức kiểm tra, đánh giá cần được đổi mới theo hướng đánh giá năng lực toàn diện của người học, thay vì chỉ tập trung vào việc kiểm tra khả năng ghi nhớ kiến thức lý thuyết. Nhà trường cần áp dụng đa dạng các hình thức đánh giá, kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức như đánh giá thông qua dự án, bài tập nhóm, thuyết trình, sản phẩm số hoặc nhật ký học tập cần được tăng cường [7, tr. 3]. Ví dụ, trong học phần Khởi sự doanh nghiệp, SV có thể được yêu cầu xây dựng kế hoạch kinh doanh cho một ý tưởng khởi nghiệp số và trình bày kế hoạch này dưới dạng video hoặc bài thuyết trình trực tuyến. Cách đánh giá này không chỉ phản ánh đúng năng lực của SV mà còn giúp SV rèn luyện kỹ năng trình bày, giao tiếp và sử dụng công nghệ số. Ngoài ra, ứng dụng công nghệ trong kiểm tra, đánh giá như tổ chức thi trực tuyến, sử dụng ngân hàng câu hỏi và phần mềm đánh giá tự động sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch, khách quan và hiệu quả của công tác đánh giá. Điều này cũng giúp giảm áp lực cho GV và tạo điều kiện để SV tiếp cận các hình thức đánh giá hiện đại, phù hợp với xu thế chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

2.2.4. Nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên và sinh viên

Đội ngũ GV và SV là chủ thể trung tâm của quá trình chuyển đổi số trong đào tạo. Do đó, nâng cao năng lực số cho GV và SV là giải pháp có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo ngành QTKD tại Trường Đại học Hải Dương. Đối với GV, nhà trường cần tổ chức các chương trình bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số, phương pháp giảng dạy trực tuyến và thiết kế học liệu số. GV không chỉ cần thành thạo các công cụ công nghệ mà còn phải biết cách tích hợp công nghệ vào giảng dạy một cách hiệu quả. Ví dụ, GV có thể sử dụng các phần mềm mô phỏng kinh doanh, phân tích dữ liệu hoặc các nền tảng quản trị doanh nghiệp để minh họa bài giảng, giúp SV tiếp cận kiến thức một cách trực quan và sinh động. Đối với SV, nhà trường cần trang bị cho SV những kỹ năng số cơ bản và nâng cao ngay từ những năm học đầu tiên. Các kỹ năng như sử dụng phần mềm văn phòng, khai thác dữ liệu, làm việc trên nền tảng số và bảo mật thông tin cần được tích hợp vào chương trình đào tạo. Chẳng hạn, SV ngành QTKD có thể được hướng dẫn sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu đơn giản để phục vụ cho việc lập kế hoạch kinh doanh và ra quyết định quản trị.

2.2.5. Tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo

Liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao tính thực tiễn của đào tạo và khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Trong bối cảnh chuyển đổi số, mối liên kết này cần được mở rộng và đổi mới theo hướng hợp tác toàn diện và bền vững. Trường Đại học Hải Dương cần tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đang thực hiện chuyển đổi số trong việc xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức thực tập và mời chuyên gia doanh nghiệp tham gia giảng dạy. Ví dụ, doanh nghiệp có thể tham gia góp ý chương trình đào tạo, cung cấp các tình huống thực tiễn hoặc dữ liệu kinh doanh để SV nghiên cứu và thực hành. Bên cạnh đó, việc tổ chức các chương trình thực tập, kiến tập và trải nghiệm nghề nghiệp tại doanh nghiệp sẽ giúp SV tiếp cận môi trường làm việc thực tế, hiểu rõ yêu cầu nghề nghiệp và nâng cao kỹ năng làm việc trong môi trường số. Thông qua sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, chất lượng đào tạo ngành QTKD sẽ từng bước được nâng cao, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nền kinh tế số và thị trường lao động hiện nay.

3. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ và tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế - xã hội, giáo dục đại học nói chung và đào tạo ngành QTKD nói riêng đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải đổi mới toàn diện nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Thông qua việc

phân tích cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong giáo dục đại học, đánh giá thực trạng đào tạo SV ngành QTKD tại Trường Đại học Hải Dương, kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù nhà trường đã có những bước chuyển biến tích cực trong việc đổi mới chương trình đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao chất lượng đội ngũ GV, song chất lượng đào tạo ngành QTKD vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nền kinh tế số. Những hạn chế chủ yếu tập trung ở mức độ cập nhật của chương trình đào tạo, tính thực tiễn của nội dung giảng dạy, năng lực số của SV và sự gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp. Đây là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thích ứng nghề nghiệp của SV sau khi tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, bài báo đã đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo SV ngành QTKD tại Trường Đại học Hải Dương trong bối cảnh chuyển đổi số: Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tích hợp các nội dung kinh tế số và quản trị hiện đại; đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá theo hướng lấy người học làm trung tâm và tăng cường ứng dụng công nghệ số; nâng cao năng lực số cho đội ngũ GV và SV; đồng thời đẩy mạnh hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo, thực tập và nghiên cứu ứng dụng. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

[1] Bùi Thị Nga (2016), *Năng lực làm việc của sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh của Học viện Nông nghiệp Việt Nam tại các doanh nghiệp trên* địa *bàn Thành phố Hà Nội,* Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, tập 14 số 9.

[2] Lê Thị Thúy Hằng (2013). *Sự hài lòng của giảng viên* và *sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh và Khoa công nghệ thông tin đối với công tác tổ chức đào tạo tại Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn Thạc sỹ Quản lý giáo dục, Chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3] Lưu Thị Bình Ngọc, Trần Thị Mỹ Duyên, Hà Thùy Trang, Lại Xuân Thủy (2021). *Khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh trên địa bàn Hà Nội.* Tạp chí khoa học, Học viện Phụ nữ Việt Nam, quyển 14 số 2.

[4] Nguyễn Doãn Chí Luận (2012). *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học chuyên ngành Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang (2008). *Nghiên cứu khoa học Marketing - Ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Trịnh Thùy Anh, Trần Việt Hùng, Nguyễn Thị Thủy (2012). *Đổi mới chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo hướng hội nhập quốc tế.* Tạp chí khoa học, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, số 7 (1).

[7] Trường Đại học Hải Dương (2021). *Báo cáo tự đánh giá Chương trình đạo tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Hải Dương*.